

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG Y TẾ DỰ PHÒNG
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHỢ MỚI NĂM 2024

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-SYT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh An Giang về việc thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá công tác dự phòng các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố năm 2024;

Căn cứ công văn số 3596/SYT-NVY ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh An Giang về việc bổ sung nội dung đánh giá và thay đổi ngày kiểm tra công tác y tế theo Kế hoạch số 101/KH-SYT;

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới. Sau khi tiến hành kiểm tra công tác y tế dự phòng năm 2024, chúng tôi thống nhất báo cáo kết quả cụ thể như sau:

- Đại diện đoàn kiểm tra: BSCKII. Trương Anh Trường - Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang.

- Đại diện đơn vị được kiểm tra: BSCKII. Trần Quốc Phú - Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới.

I. NỘI DUNG, KẾT QUẢ KIỂM TRA

1.1 Đánh giá kết quả theo điểm số

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Đơn vị tự chấm	Điểm Đoàn kiểm tra
1	Phòng chống bệnh truyền nhiễm	5	4,40	4,20
2	Phòng chống bệnh ký sinh trùng - côn trùng	1	4,00	4,00
3	Quản lý vắc xin và tiêm chủng	2	4,50	4,50
4	Phòng chống HIV/AIDS	6	4,17	3,67
5	Phòng chống bệnh Lao	3	3,67	3,67
6	Phòng chống bệnh Phong	1	4,00	4,00
7	Phòng chống bệnh không lây nhiễm	3	3,00	3,33
8	Dinh dưỡng	2	4,00	4,00
9	Sức khỏe môi trường - Y tế trường học - Y tế lao động - Phòng chống tai nạn thương tích	4	4,25	4,25

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Đơn vị tự chấm	Điểm Đoàn kiểm tra
10	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	4	4,00	3,25
11	Truyền thông giáo dục sức khỏe	3	3,67	4,00
12	Quản lý dược y tế dự phòng	3	4,00	3,67
13	Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	2	3,00	3,00
14	Hoạt động An toàn vệ sinh thực phẩm	6	3,33	3,83
Tỷ lệ tiêu chí áp dụng		(45/45) 100%		
Điểm trung bình chung			3,87	3,80

1.2 Đánh giá kết quả chung theo mức

STT	Nội dung	Số tiêu chí áp dụng	Số lượng tiêu chí đạt các mức				
			Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	Hoạt động kiểm soát bệnh tật	39/39	1	3	8	18	9
2	Hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm	6/6	0	1	1	2	2
Số tiêu chí đạt theo các mức		45/45	1	4	9	20	11
Tỷ lệ % các mức đạt		100	2.2	8.9	20.0	44.4	24.4

II. KIẾN NGHỊ VỀ CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẦN CẢI TIẾN

1. Phòng chống bệnh truyền nhiễm

- Tỷ lệ mắc tay chân miệng/100.000 dân tăng 121% so với chỉ tiêu.

- Chưa can thiệp hiệu quả đối với tay chân miệng.

⇒ Cần khắc phục những tồn tại nêu trên.

2. Quản lý vắc-xin và tiêm chủng

Cố gắng có đề tài, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao tỷ lệ tiêm chủng.

3. Phòng chống HIV/AIDS

- Tăng cường tư vấn xét nghiệm cho đối tượng nguy cơ cao tại xã.

- Rà soát bệnh nhân chưa điều trị kết nối điều trị ARV.

4. Phòng chống bệnh Lao

- Tăng cường khám sàng lọc và thu nhận điều trị lao trẻ em, tư vấn người nhiễm lao tiềm ẩn đồng ý điều trị dự phòng.

- Thực hiện tái khám bệnh nhân lao kháng thuốc sau khi kết thúc điều trị: sau 6 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng đầy đủ.

- Cập nhật phần mềm Vitimes 4.0 đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định.

5. Phòng chống bệnh Phong

- Duy trì hoạt động chương trình Phong.

- Quản lý bệnh nhân và khám tiếp xúc định kỳ.

6. Dinh dưỡng

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hỗ trợ cho Trạm Y tế xã. Hướng dẫn Trạm Y tế cập nhật danh sách quản lý trẻ dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo 2025.

- Đẩy mạnh công tác triển khai và hỗ trợ cho chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2025.

7. Sức khỏe môi trường – Y tế trường học – Y tế lao động – Phòng chống tai nạn thương tích

- Phát huy những mặt đạt được trong thời gian tới.

- Duy trì công tác phối hợp liên ngành trong các hoạt động ngày càng tốt hơn.

- Bổ sung những điểm còn thiếu sót.

- Khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế để các hoạt động ngày càng tốt hơn.

8. Truyền thông giáo dục sức khỏe

- Tiếp tục tăng cường công tác Truyền thông giáo dục sức khỏe: Bố trí thêm kinh phí cho hoạt động truyền thông.

- Duy trì cán bộ truyền thông có kinh nghiệm đảm bảo công tác truyền thông có hiệu quả.

9. Quản lý dược Y tế dự phòng

- Kho vắc xin kịp thời theo dõi nhiệt độ và ghi chép vào phiếu theo dõi hoàn chỉnh.

- Số liệu thuốc Prep trên thực tế và phần mềm chưa phù hợp. Đề nghị rà soát lại.

10. Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng

- Xây dựng hồ sơ phòng xét nghiệm phù hợp để công bố An toàn sinh học cấp 2 theo tác nhân đang thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch và đánh giá nguy cơ theo từng tác nhân đang thực hiện tại phòng xét nghiệm.

11. Hoạt động An toàn vệ sinh thực phẩm

- Phân đầu có sáng kiến mới, áp dụng hiệu quả trong công tác báo cáo và thống kê ngộ độc thực phẩm.

- Cần xây dựng phần mềm và ứng dụng phần mềm trong việc tiếp nhận hồ sơ hoặc trong công tác quản lý các cơ sở trên địa bàn hoặc được phân cấp quản lý.

- Thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông, tổ chức cuộc thi, dàn dựng các tiểu phẩm, chuyển đổi các sản phẩm truyền thông từ tiếng phổ thông sang các tiếng dân tộc khác để phục vụ công tác truyền thông.

- Phân đầu có giải pháp sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phối hợp với các đơn vị khác để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực an toàn thực phẩm cấp cơ sở được Hội đồng khoa học cấp cơ sở duyệt.

- Phân đầu có đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực an toàn thực phẩm cấp tỉnh được Hội đồng khoa học cấp tỉnh duyệt.

- Duy trì và tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm trong năm 2025.

III. Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ:

Thống nhất với ý kiến của đoàn kiểm tra

IV. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

- Điểm trung bình đánh giá chất lượng hoạt động y tế dự phòng của Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới năm 2024 đạt: **3,80** điểm.

- Địa phương triển khai khắc phục những nội dung góp ý của Đoàn kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dự phòng tại địa phương trong thời gian tới./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA



Trần Quốc Phú

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Trương Anh Trường

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÁC TIÊU CHÍ HOẠT ĐỘNG Y TẾ DỰ PHÒNG
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHỢ MỚI NĂM 2024

STT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐẠT			
		Chuẩn	Tự chấm	Tính chấm	
A	HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT BỆNH TẬT	5.00	4.00	3.85	
I	PHÒNG CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM	5.00	4.40	4.20	
1	A1.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng chống bệnh truyền nhiễm, thực hiện các chỉ đạo của tuyến trên.	5.00	5.00	5.00
2	A1.2	Giám sát phát hiện ca bệnh, tổng hợp phân tích số liệu, giám sát côn trùng truyền bệnh.	5.00	5.00	3.00
3	A1.3	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra hàng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt.	5.00	2.00	3.00
4	A1.4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của tuyến trên.	5.00	5.00	5.00
5	A1.5	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan trên địa bàn huyện.	5.00	5.00	5.00
II	PHÒNG CHỐNG BỆNH KÝ SINH TRÙNG – CÔN TRÙNG	5.00	4.00	4.00	
6	A2.1	Phòng chống bệnh sốt rét	5.00	4.00	4.00
III	QUẢN LÝ VẮC-XIN VÀ TIÊM CHỦNG	5.00	4.50	4.50	
7	A3.1	Xây dựng và thực hiện các kế hoạch tiêm chủng của địa phương, thực hiện các chỉ đạo của tuyến trên.	5.00	5.00	5.00
8	A3.2	Quản lý đối tượng và thực hiện các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng.	5.00	4.00	4.00
IV	PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS	5.00	4.17	3.67	
9	A4.1	Dự phòng và can thiệp giảm tác hại.	5.00	5.00	5.00
10	A4.2	Khám phát hiện.	5.00	3.00	3.00
11	A4.3	Kết quả xét nghiệm đạt.	5.00	2.00	2.00
12	A4.4	Truyền thông, thanh quyết toán.	5.00	5.00	5.00
13	A4.5	Điều trị.	5.00	5.00	2.00
14	A4.6	Giám sát, thống kê báo cáo.	5.00	5.00	5.00
V	PHÒNG CHỐNG BỆNH LAO	5.00	3.67	3.67	
15	A5.1	Khám phát hiện - Thu nhận - Điều trị âm hóa đàm có bằng chứng vi khuẩn học: Mới và tái phát.	5.00	4.00	4.00
16	A5.2	Quản lý: Dược - Y vụ - Cập nhật phần mềm Vitimes.	5.00	3.00	3.00
17	A5.3	Phát hiện, quản lý, điều trị lao kháng đa thuốc	5.00	4.00	4.00

STT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐẠT		
		Chuẩn	Tự chấm	Tính chấm
	(MDR).			
VI	PHÒNG CHỐNG BỆNH PHÒNG	5.00	4.00	4.00
18	A6.1 Quản lý, triển khai các hoạt động phòng chống bệnh phong.	5.00	4.00	4.00
VII	PHÒNG CHỐNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM	5.00	3.00	3.33
19	A7.1 Phòng chống bệnh đái tháo đường.	5.00	4.00	4.00
20	A7.2 Phòng chống bệnh tăng huyết áp.	5.00	4.00	4.00
21	A7.3 Phòng chống bệnh hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.	5.00	1.00	2.00
VIII	DINH DƯỠNG	5.00	4.00	4.00
22	A8.1 Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	5.00	4.00	4.00
23	A8.2 Bổ sung Vitamin A.	5.00	4.00	4.00
IX	SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG - Y TẾ TRƯỜNG HỌC - Y TẾ LAO ĐỘNG - PHÒNG CHỐNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH	5.00	4.25	4.25
24	A9.1 Sức khỏe môi trường.	5.00	4.00	4.00
25	A9.2 Y tế trường học.	5.00	5.00	5.00
26	A9.3 Y tế lao động	5.00	4.00	4.00
27	A9.4 Phòng chống tai nạn thương tích.	5.00	4.00	4.00
X	CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN	5.00	4.00	3.25
28	A10.1 Làm mẹ an toàn & dự phòng lây truyền 3 bệnh (HIV, Viêm gan B, Giang mai) từ mẹ sang con	5.00	3.00	3.00
29	A10.2 Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình & phá thai an toàn	5.00	5.00	5.00
30	A10.3 Chăm sóc sức khỏe sinh sản Vị thành niên/Thanh niên	5.00	4.00	4.00
31	A10.4 Tử vong mẹ & tử vong trẻ em	5.00	4.00	1.00
XI	TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE	5.00	3.67	4.00
32	A11.1 Tổ chức mạng lưới, trang thiết bị, kinh phí cho hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe.	5.00	3.00	4.00
33	A11.2 Kế hoạch, báo cáo thống kê, thực hiện chỉ tiêu, giám sát chỉ đạo tuyến.	5.00	4.00	4.00
34	A11.3 Truyền thông và viết tin, bài.	5.00	4.00	4.00
XII	QUẢN LÝ DƯỢC Y TẾ DỰ PHÒNG	5.00	4.00	3.67
35	A12.1 Quản lý, bảo quản vắc-xin, vật tư tiêm chủng.	5.00	4.00	4.00
36	A12.2 Dược, vật tư y tế, trang thiết bị phòng chống bệnh lao (nguồn BHYT).	5.00	4.00	4.00
37	A12.3 Dược, vật tư y tế trang thiết bị phòng chống HIV/AIDS	5.00	4.00	3.00
XIII	XÉT NGHIỆM - CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM DÒ CHỨC NĂNG	5.00	3.00	3.00
38	A13.1 Năng lực xét nghiệm	5.00	3.00	3.00

STT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐẠT			
		Chuẩn	Tự chấm	Tính chấm	
39	A13.2	An toàn sinh học phòng xét nghiệm	5.00	3.00	3.00
	B	HOẠT ĐỘNG AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	5.00	3.33	3.83
40	B1	Thông kê báo cáo, quản lý sử dụng kinh phí.	5.00	2.00	4.00
41	B2	Quản lý cơ sở, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	5.00	4.00	4.00
42	B3	Thông tin truyền thông.	5.00	3.00	3.00
43	B4	Giám sát ngộ độc thực phẩm, cảnh báo nguy cơ.	5.00	5.00	5.00
44	B5	Kiểm tra, Test nhanh.	5.00	4.00	5.00
45	B6	Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Xây dựng mô hình điểm.	5.00	2.00	2.00
Tổng điểm các tiêu đánh giá			225	174	171
Số tiêu chí áp dụng			45	45	45
Điểm trung bình chung của các tiêu chí			5.00	3.87	3.80